



CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐI VỀ ĐÂU?

I. TÍNH BỨC THIẾT CỦA CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Trong giới nghiên cứu có ý kiến đòi hỏi phải cải cách giáo dục vì sự xuống cấp của nền giáo dục và nhất là sự khủng hoảng triết lí giáo dục. Tôi cho rằng, ý kiến đó chỉ đúng một phần, mà là một phần rất nhỏ. Quan điểm của tôi cho rằng: *Dù giáo dục không xuống cấp, không khủng hoảng triết lí, chúng ta vẫn phải cải cách giáo dục.*

Cả thế giới đang sôi động trong cuộc cách mạng giáo dục không phải vì nền giáo dục của thế giới này xuống cấp mà vì nó đã quá lạc hậu so với thời đại. Nền giáo dục ấy lạc hậu đến mức Alvin Toffler đã phải than phiền: "Chương trình giáo dục đương thời là sự bảo lưu ngu xuẩn của quá khứ" và Toffler đã đưa ra thông điệp quan trọng: "Giáo dục cần phải chuyển qua thời tương lai". Đó là tư tưởng rất quan trọng của Alvin Toffler trong cuốn sách "Cú sốc tương lai" xuất bản từ gần hai thập niên trước đây, năm 1996. Việt Nam không phải là ngoại lệ trong cuộc cách mạng giáo dục đó. Từ khi người Pháp chiếm đóng cho tới năm 1945, Việt Nam đã phải qua hai cuộc cải cách lớn trong lĩnh vực giáo dục.

Cuộc cải cách thứ nhất, là cuộc cải cách do người Pháp thực hiện. Sau khi chiếm được Nam Kỳ, người Pháp lập tức khai tử nền giáo dục Nho học. Năm 1864 là kì thi Hương cuối cùng ở Nam Kỳ; Năm 1915 là kì thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ; Năm 1918 ở Trung Kỳ. Chế độ giáo dục và khoa cử Nho học thực sự cáo chung với khoa thi Hội cuối cùng năm 1919 ở Huế.

Cuộc cải cách thứ hai, do Chính phủ Trần Trọng Kim thực hiện với Chương trình Hoàng Xuân Hãn vào năm 1945. Tuy Chính phủ Trần Trọng Kim chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn nhưng dấu ấn của Chương trình Hoàng Xuân Hãn vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay. Đó là những căn cứ nhận diện điểm xuất phát để từ đó chúng ta bàn về chủ đề cải cách giáo dục ở nước ta.

II. CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC CỦA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

"Cuộc cách mạng giáo dục" là khái niệm mà Alvin Toffler sử dụng để đặt tên Chương 18 trong cuốn sách nổi tiếng "Cú sốc tương lai" (Future Shock).

Alvin Toffler đã dành phần đầu của chương này để phê phán hệ thống giáo dục đương thời, một hệ thống giáo dục thừa rất nhiều thứ vô dụng và thiếu hàng loạt những nội dung thiết yếu cho cuộc sống đương đại. Toffler đã buông ra một lời than và đồng thời là lời phán xét rất nặng nề: "Chương trình giáo dục đương thời là sự bảo lưu ngu xuẩn của quá khứ"

VŨ CAO ĐÀM

(the present curriculum is a mindless holdover from the past).

Quả thật, chương trình giáo dục của chúng ta thừa hàng loạt kiến thức còn lưu lại từ nền văn minh cơ học khởi đầu từ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII-XIX và thiếu hụt hết những kiến thức cần trang bị cho người học bước vào nền văn minh thông tin. Trong phần cuối kết thúc Chương 18 về "Cách mạng giáo dục", Toffler đưa ra một lời khẳng định, đó là chúng ta cần tiến đến "một nền giáo dục của thời tương lai". "Thời tương lai" được in nghiêng trong nguyên bản tiếng Anh.

Từ nửa cuối thập niên 1990, UNESCO đã tổ chức các nhóm ad-hoc chuyên nghiên cứu về cải cách giáo dục và đến năm 1996 đã công bố Báo cáo của Jacques Delors về Giáo dục thế kỉ XXI. Bản báo cáo bằng tiếng Pháp có tựa đề "L'Education: Un Trésor est caché Dedans", nghĩa là "Giáo dục: Một tài sản được cất dấu tiềm ẩn". Không rõ vì sao bản tiếng Anh lại mang tựa đề là "Learning: The Treasure Within", nghĩa là "Học tập: Một tài sản tiềm ẩn".

Bản báo cáo có thể xem là một tuyên ngôn về giáo dục của thế kỉ XXI. Trong đó đề xướng các triết lí không chỉ về sự học tập, về vai trò nhà trường, vai trò trung tâm của thầy cô, về quan hệ giữa giáo dục với khoa học, văn hóa, pháp luật, xã hội,...

Ba năm sau, năm 1999, tại thành phố Bologna (Italia) đã diễn ra một hội nghị quan trọng của các bộ trưởng giáo dục Châu Âu. Hội nghị đã ra Tuyên ngôn Bologne 1999 về giáo dục, trong đó có hai điểm rất quan trọng:

- Niên hạn đào tạo được rút ngắn theo công thức "3-5-8", có nghĩa 3 năm đại học, thêm 2 năm cao học, là 5 và 3 năm làm luận án tiến sĩ là 8.

- Thay cách mở lớp chuyên ban theo khoa học ở bậc phổ thông (như nước ta chia các khối A, B, C, D) bằng chuyên ban hướng nghiệp, định hướng theo các nhóm ngành mà học sinh có thể ghi danh theo học đại học.

Tuyên ngôn Bologne 1999 đáng được đánh giá là một chương trình mang tính cách mạng sâu sắc. Nó đang được hưởng ứng rộng rãi không chỉ ở Châu Âu mà ở nhiều châu lục khác trên thế giới.

III. HAI CĂN CỨ QUAN TRỌNG ĐỂ CẢI CÁCH GIÁO DỤC

1. Căn cứ thứ nhất: Phải gắn giáo dục trong quan hệ với khoa học

Trong các nghiên cứu của mình, tôi cho rằng,



khoa học và giáo dục là hai đứa con song sinh của nhân loại: Khoa học được sinh ra để “sản xuất” ra những kho tàng tri thức của nhân loại, còn giáo dục được sinh ra là để “chuyển tải” những kho tàng tri thức đó để trả về cho nhân loại. Không có khoa học thì giáo dục chẳng có gì để mà truyền thụ, nhưng không có giáo dục thì khoa học sẽ chẳng có ai biết đến để mà áp dụng.

Mối liên hệ này xuất hiện từ thời cổ đại. Platon lập Academia vào năm 387 trước Công nguyên (TCN), là một loại trường đại học sơ khai đầu tiên của nhân loại, nó vừa mang tính chất của một nhà trường nhằm truyền bá những tư tưởng triết học theo trường phái Platon, vừa như một nhà trường có chức năng tiếp tục nghiên cứu và truyền bá phát triển trường phái Platon. Sự kiện thành lập Đại học Bologna vào năm 1088 sau Công nguyên (SCN) được xem là sự mở đầu một mô hình đại học mang dáng dấp các đại học hiện đại ngày nay.

Tính từ sự kiện thành lập Academia (357 TCN) đến nay, trong quan hệ giữa giáo dục và khoa học đã qua ba giai đoạn phát triển:

Giai đoạn 1: Giáo dục đi sau khoa học, dạy cho người học những tri thức mà tiền nhân đã tạo ra trước đó. Tất cả các nhà trường, từ Academia của Platon (357 TCN), rồi Đại học Bologna (1088 SCN), rồi đến Quốc Tử Giám của Việt Nam (1076) đều là loại nhà trường như vậy.

Giai đoạn 2: Giáo dục tiến lên ngang hàng với khoa học, xuất hiện mối quan hệ tương tác: khoa học và giáo dục nhận những “đơn hàng” của nhau để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, thông qua nhân vật thứ ba, là hệ thống kinh tế và xã hội, trực tiếp là hoạt động sản xuất. Giáo dục được nhận đơn hàng truyền thụ các tri thức khoa học và công nghệ (KH&CN) cho người lao động; còn khoa học nhận đơn hàng của giáo dục, phát triển các tri thức KH&CN để giáo dục gắn được với nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống. Sự đi lên ngang hàng này có thể được bắt đầu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất, với đặc trưng là nền văn minh cơ học, khởi đầu từ thế kỷ XVIII-XIX kéo dài cho đến nửa đầu thế kỷ XX.

Giai đoạn 3: Giáo dục vượt lên trước khoa học, vạch đường chỉ lối cho khoa học phát triển. Giai đoạn này có thể được khởi đầu từ nửa cuối thế kỷ XX, với sự xuất hiện công nghệ thông tin, nền văn minh thông tin và nền kinh tế tri thức.

2. Căn cứ thứ hai: Phải đặt giáo dục trong các nền văn minh

¹ Xem: Vũ Cao Đàm, *Xây dựng đại học nghiên cứu và cải cách căn bản hệ thống giáo dục ở nước ta hiện nay*, Hội thảo Cải cách giáo dục, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 18/5/2014.

Nói về sự phát triển của xã hội, Alvin Toffler chia lịch sử phát triển của nhân loại thành ba đợt sóng: Đợt sóng thứ nhất: Xã hội nông nghiệp; Đợt sóng thứ hai: Xã hội công nghiệp; Đợt sóng thứ ba: Xã hội hậu công nghiệp.

Alvin Toffler nhận diện các xã hội qua các “mã” của nền sản xuất như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Mã của các xã hội

| Xã hội nông nghiệp | Xã hội công nghiệp | Xã hội thông tin |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Sản xuất phân tán | Tập trung hóa | Phi tập trung hóa |
| Sản xuất manh mún | Tích tụ hóa | Phi tích tụ hóa |
| Sản xuất không cần tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn hóa | Phi tiêu chuẩn hóa |
| Sản xuất nhỏ | Cực đại hóa | Cực tiểu hóa |
| Không đồng bộ | Đồng bộ hóa | Phi đồng bộ hóa |
| Sản xuất không có chuyên môn | Chuyên môn hóa | Đa năng hóa |

Trong bức tranh của ba xã hội trên đây, chúng ta có thể nhận ra những kịch bản thú vị trong quan hệ giữa giáo dục, khoa học và xã hội:

Thứ nhất, trong xã hội nông nghiệp, được đặc trưng bởi nền sản xuất tiểu nông, manh mún, rời rạc, không bị ràng buộc bởi các tiêu chuẩn và không có chuyên môn, một nền sản xuất thuần túy dựa trên kinh nghiệm, chưa xuất hiện nhu cầu giáo dục tri thức chuyên môn trong nhà trường. Trong xã hội như vậy, giáo dục lẽ tự nhiên phải đứng ngoài nhu cầu sản xuất, chỉ biết truyền cho người học tiếp thu những tri thức mà các bậc tiền nhân răn dạy.

Thứ hai, trong xã hội công nghiệp, được đặc trưng bởi nền sản xuất quy mô lớn, tập trung hóa và tích tụ hóa cao, chuyên môn hóa, đồng bộ, được tiêu chuẩn hóa. Những đặc điểm đó buộc phản ánh trong các chương trình giáo dục, nhằm đào tạo những người lao động có tri thức chuyên môn sâu trong các ngành hoạt động. Chính từ đây xuất hiện các ngành giáo dục chuyên nghiệp và do vậy, buộc giáo dục phổ thông cũng phải phát triển thích ứng. Toàn bộ hệ thống giáo dục phải chuyển đổi từ một nền giáo dục từ chương² giáo điểu sang một nền giáo dục định hướng nhu cầu đào tạo kỹ năng chuyên môn của xã hội công nghiệp.

² “Nền giáo dục từ chương” là một nền giáo dục coi trọng văn chương chữ nghĩa, tầm chương trình cũ, thiên kinh vạn quyển, một nền giáo dục kinh viện xa rời nhu cầu thực tế.

Thứ ba, trong xã hội thông tin, một xã hội có nền sản xuất ngày càng đa dạng hóa, phi tiêu chuẩn hóa, phi đồng bộ hóa, một nền sản xuất định hướng nhu cầu luôn biến đổi và ngày càng tăng tốc, người lao động không thể chỉ chuyên môn hóa như trong đợt sóng thứ hai, mà phải đa năng hóa, để thích ứng với những nhu cầu đa dạng và luôn biến động của thị trường.

3. Nhận diện các chương trình giáo dục theo sự phát triển của xã hội

Căn cứ theo đặc điểm của các chương trình giáo dục đã tồn tại trong lịch sử giáo dục, chúng ta có thể nhận định, cho đến nay, nhân loại đã chứng kiến ba hệ thống giáo dục:

Thứ nhất, *giáo dục đi sau khoa học* một chặng đường rất dài thuộc xã hội nông nghiệp, thuộc đợt sóng thứ nhất.

Thứ hai, nhân loại bước vào cuộc cách mạng công nghiệp, khoa học và sản xuất ngày càng nhích lại gần nhau, các thành tựu khoa học được áp dụng trong sản xuất, một nền sản xuất với trình độ tích tụ ngày càng cao, đồng bộ và tiêu chuẩn hóa, dẫn đến nhu cầu hình thành một đội ngũ nhân lực phải qua đào tạo và giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng. Đây chính là giai đoạn *giáo dục tiến lên ngang hàng với khoa học*.

Thứ ba, giai đoạn *giáo dục vượt lên trước khoa học*, mang sứ mệnh mới, là "gợi ý" cho khoa học phát triển trong một xã hội với những đặc điểm hoàn toàn mới: nhu cầu không ngừng biến động, với một nền sản xuất thích ứng nhanh nhẹn với nhu cầu, một nền sản xuất phi tiêu chuẩn hóa, phi tích tụ hóa, lan tỏa khắp hành tinh.

Đây là hệ thống giáo dục trong xã hội đương đại với tên gọi là xã hội thông tin. Những đặc điểm đó được bàn đến toàn diện hơn trong tác phẩm "*Tư duy lại tương lai*" của các nhà nghiên cứu xã hội hàng đầu thế giới. Nó cũng được bàn đến trong tác phẩm "*Xã hội rủi ro*" của Ulrich Beck. Xin được tóm tắt như sau:

- Chúng ta đang chuyển bước sang một xã hội của "Đợt sóng thứ ba" với một nền sản xuất luôn biến động theo sự biến động của nhu cầu.

- Xã hội mà chúng ta đang sống và sẽ tiếp tục sống trong tương lai là một xã hội đầy rủi ro. Đây không còn là những rủi ro do thiên nhiên gây ra, mà là rủi ro xuất hiện từ trong lòng tiến trình phát triển.

- Trong xã hội đầy rủi ro và đầy biến động đó, chúng ta không thể máy móc sử dụng những kinh nghiệm của quá khứ.

- Đòi hỏi tất yếu là phải hình thành đội ngũ lao động đa năng, có năng lực nhìn trước và biết phản ứng đối với những biến đổi, rủi ro mang tính đột biến của thời đại.

IV. CON ĐƯỜNG CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐI VỀ ĐÂU

Cải cách giáo dục là một công cuộc đầy gian nan.

Trước hết, Cải cách giáo dục phải đặt trong quan hệ với khoa học. Giáo dục từ chỗ lèo đèo đi sau khoa học trong nền văn minh nông nghiệp đã tiến lên ngang hàng với khoa học trong nền văn minh cơ học của xã hội công nghiệp và *đang phải đi về hướng vượt trước khoa học trong nền văn minh thông tin*.

Thứ hai, Cuộc cải cách này không phải là sự "tinh giản chương trình" mấy phần trăm như vẫn làm từ trước đến nay, mà là từ biệt cách tiếp cận truyền thống này, và hướng tới bộ mặt mới của chương trình giáo dục cho nền văn minh thông tin. Đưa môn Tin học vào các nhà trường chỉ là cái ngọn mà phải bắt đầu từ cái gốc, từ nền tảng của nền văn minh thông tin.

Thứ ba, Tuyên ngôn Bologne 1999, Báo cáo của UNESCO "L'Education: Un Trésor est caché Dedans"³ và kinh nghiệm của các quốc gia đi trước là những *dữ liệu tham khảo vô cùng quý giá* cho công cuộc cải cách giáo dục nói chung và cải cách chương trình giáo dục nói riêng của đất nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alvin Toffler, *Đợt sóng thứ ba*.
2. Peter Drucker, *Xã hội hậu tư bản*.
3. Vũ Cao Đàm, *Nghịch lí của khoa học và giáo dục trong xã hội đương đại Việt Nam*.

SUMMARY

The article refers to a certain relation between science and education in the educational renewal with a basic argumentative viewpoint that it is impossible not to discuss about this relation in the educational renewal. Initially, education appeared after science, in order to transfer knowledge created by ancestors. Then, education grew and was equal to science and now it has been developed more than science, and support to develop science. Secondly, education closely linked to human and industrial civilization. The deepest feature in current education programs was the foundation of mechanic civilization-a part of ancient industrial civilization.

Nowadays, we are on the way to enter the society of informative civilization, so educational renewal must develop more than science and enter into information civilization. This ideology should cover education philosophy and programs.

³Tôi cố ý sử dụng bản tiếng Pháp "L'Education: Un Trésor est caché Dedans" để nhấn mạnh, bản báo cáo bàn về "Giáo dục", tránh hiểu lầm là chỉ bàn về "Học tập", như viết trong bản tiếng Anh. Theo phán đoán của tôi, có lẽ nguyên bản được soạn thảo bằng tiếng Pháp, bản tiếng Anh là bản dịch, vì lẽ Jacques Delors, tác giả bản Báo cáo là người Pháp.